

Mẫu số B06 - QĐT

Ban hành theo QĐ số 63/ 2005/QĐ-BTC ngày 14 /9 /2005 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Tháng 08 năm 2013

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý Quỹ Eastspring Investments
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư cân bằng Prudential - PRUBF1
4. Ngày lập báo cáo: 04/09/2013

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	539.460.572.086	537.074.988.233
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	2.755.299.757	2.385.583.853
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	2.755.299.757	2.385.583.853
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	542.215.871.843	539.460.572.086
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	10.844	10.789

Ngân hàng giám sát



Lê Thị Thanh Tâm

Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ



Nguyễn Tuấn Thân An

Amk

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
Tháng 08 năm 2013

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý Quỹ Eastspring Investments
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư cân bằng Prudential - PRUBF1
- Ngày lập báo cáo: 04/09/2013

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
			Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện						
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	10	3.424.345.296	103.997.157.723	1.682.910.473	14.333.205.029
1	Cổ tức được nhận	11	-	1.561.052.800	1.762.002.000	8.007.937.190
2	Lãi trái phiếu được nhận	12	-	3.126.424.658	1.659.132.440	13.041.040.112
3	Lãi tiền gửi	13	3.416.715.696	18.142.712.851	85.815.606	1.172.210.551
4	Thu nhập bán chứng khoán	14	-	81.159.337.814	(1.824.039.573)	(7.887.962.824)
5	Thu nhập khác	18	7.629.600	7.629.600	-	-
II	Chi phí	30	669.045.539	8.381.758.562	102.001.537	7.405.079.179
1	Phí Quản lý Quỹ	31	905.263.752	7.060.501.408	760.696.750	6.063.407.659
2	Phí Giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	32	37.115.815	289.480.560	31.188.568	248.599.716
3	Chi phí họp, đại hội	33	(199.773.497)	420.956.503	(462.896.174)	466.119.826
4	Chi phí Kiểm toán	34	-	946.000	-	770.000
5	Chi phí tư vấn, định giá	35	-	-	-	-
6	Phí in báo cáo thường niên		(74.806.767)	142.993.233	(228.035.000)	149.485.000
7	Phí và chi phí khác	36	1.246.236	466.880.858	1.047.393	476.696.978
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	50	2.755.299.757	95.615.399.161	1.580.908.936	6.928.125.850
B. xác định kết quả chưa thực hiện						
I	Thu nhập	60	-	39.039.379.699	-	80.768.131.699
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	-	39.039.379.699	-	80.768.131.699
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	62	-	-	-	-
II	Chi phí	70	-	65.733.157.285	10.063.817.817	29.298.183.531
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	-	65.733.157.285	10.063.817.817	29.298.183.531
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	80	-	(26.693.777.586)	(10.063.817.817)	51.469.948.168



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty quản lý quỹ

Người lập biểu

KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng
Giáo dục Quản lý Quỹ

Giám đốc

Nguyễn Tuan Thân An

Lê Thị Thúy Phương

PHAN TRINH TRUC

(Ban hành kèm theo thông tư số 224/2012/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tháng 08 năm 2013

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý Quỹ Eastspring Investments
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư cân bằng Prudential - PRUBF1
- Ngày lập báo cáo: 04/09/2013

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư	3.424.345.296	3.347.124.573	22.837.819.909
1	Cổ tức, trái tức được nhận	-	-	4.687.477.458
	Cổ tức được nhận	-	-	1.561.052.800
	Trái tức được nhận	-	-	3.126.424.658
2	Lãi được nhận	3.416.715.696	3.347.124.573	18.142.712.851
3	Các khoản thu nhập khác	7.629.600	-	7.629.600
II	Chi phí	669.045.539	939.123.365	8.381.758.562
1	Phí Quản lý trả cho công ty quản lý Quỹ	905.263.752	900.663.605	7.060.501.408
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát	37.115.815	36.927.208	289.480.560
	Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có)	-	-	300.462.283
3	Chi phí dịch vụ nhà đầu tư	-	-	300.462.283
4	Chi phí Kiểm toán	-	-	946.000
	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ	-	-	84.000.000
5	Thù lao trả cho ban đại diện quỹ	-	-	84.000.000
	Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của quỹ, chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ	(274.580.264)	-	563.949.736
	Chi phí họp, đại hội	(199.773.497)	-	420.956.503
	Phí in báo cáo thường niên	(74.806.767)	-	142.993.233
7	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ	-	-	-
8	Các loại phí khác	1.246.236	1.532.552	62.418.575
	Phí chuyển tiền	1.156.282	1.126.587	18.063.494
	Phí lưu ký tại VSD trả cho ngân hàng lưu ký	89.953	405.965	23.207.780
	Phí khác	1	-	41.147.301
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I - II)	2.755.299.757	2.408.001.208	14.456.061.347
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	-	(22.417.355)	54.465.560.228
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	-	(219.137.057)	81.159.337.614
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	-	196.719.702	(26.693.777.586)
	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)	2.755.299.757	2.385.583.853	68.921.621.575
V	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ	539.460.572.086	537.074.988.233	473.294.250.268
VII	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	2.755.299.757	2.385.583.853	68.921.621.575
	Trong đó			
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư trong kỳ	2.755.299.757	2.385.583.853	68.921.621.575
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-	-
VIII	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	542.215.871.843	539.460.572.086	542.215.871.843

Ngân hàng Giám sát

**Lê Thị Hồng Tâm**

Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ

Nguyễn Văn Thân An

Hmk

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ
Tại ngày 31 tháng 08 năm 2013

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý Quỹ Eastspring Investments
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư cân bằng Prudential - PRUBF1
- Ngày lập báo cáo: 04/09/2013

Đơn vị tính : VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo 31/08/2013	Kỳ trước 31/07/2013	%/kỳ trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền	525.442.197.086	526.387.247.710	99,82%
1,1	Tiền gửi ngân hàng	525.442.197.086	526.387.247.710	99,82%
	Tiền gửi không kì hạn	1.935.839.246	2.379.022.986	81,37%
	Tiền gửi có kì hạn	523.506.357.840	524.008.224.724	99,90%
1,2	Các khoản tương đương tiền	-	-	
I. 2	Các khoản Đầu tư	-	-	
	Trái phiếu Chính phủ	-	-	
	Trái phiếu Công ty	-	-	
	Cổ phiếu	-	-	
	Cổ phiếu niêm yết	-	-	
	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	
	Quyền mua	-	-	
I. 3	Cổ tức, trái tức được nhận	-	-	
	Cổ tức được nhận	-	-	
	Trái tức được nhận	-	-	
I. 4	Lãi được nhận	17.767.504.324	14.353.169.499	123,79%
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	-	-	
	Phải thu bán cổ phiếu	-	-	
	Phải thu bán trái phiếu	-	-	
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	
I. 7	Các tài sản khác	-	-	
I. 8	TỔNG TÀI SẢN	543.209.701.410	540.740.417.209	100,46%
STT	Nợ	Kỳ báo cáo 31/08/2013	Kỳ trước 31/07/2013	%/kỳ trước
II. 1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	-	-	
	Phải trả mua cổ phiếu	-	-	
	Phải trả mua trái phiếu	-	-	
II. 2	Các khoản phải trả khác	993.829.567	1.279.845.123	77,65%
	Phải trả phí quản lý	905.263.752	900.663.605	100,51%
	Phải trả phí lưu ký, giám sát	37.115.815	36.927.208	100,51%
	Phải trả phí kiểm toán	-	-	
	Phải trả thuế thu nhập cá nhân	75.000	7.169.446	1,05%
	Phải trả khác	51.375.000	335.084.864	15,33%
II. 3	TỔNG NỢ	993.829.567	1.279.845.123	77,65%
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I. 8 - II. 3)	542.215.871.843	539.460.572.086	100,51%
	Tài sản ròng của Quỹ			
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	50.000.000	50.000.000	100,00%
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	10.844	10.789	100,51%

Ghi chú : Quỹ không có giao dịch trong kỳ hay số dư cuối kỳ về các khoản vay tiền, hợp đồng Repo, các khoản cho vay chứng khoán và hợp đồng Reverse Repo



Lê Thị Thanh Tâm
Giám đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

